

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIAG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 637/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 10 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIAG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình
Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên GiAg.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên GiAg tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên GiAg xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 428/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ah Dương Văn A, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TL, xã TL, huyện GR, tỉnh KG.

- Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TL, xã TL, huyện GR, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện Ah Dương Văn A nguyên đơn trình bày: Ah A và chị Lê Thị T tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới, nhưng đến năm 2013, mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Lộc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên GiAg. Trong thời gian đầu Ah và chị T chung sống rất hạnh phúc nhưng dần về sau thì vợ chồng bắt phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cự cãi nhau. Nguyên nhân mâu

thuần là do vợ chồng bất đồng về quA điểm sống, tính cách không phù hợp nên thường xuyên cự cãi dẫn đến sống ly thân hơn 03 năm nay. Mặc dù, vợ chồng đã cho nhau nhiều cơ hội để khắc phục sửa chữa nếu kéo hôn nhân nhưng không có kết quả mà ngược lại ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Nay anh xét thấy không thể tiếp tục chung sống vợ chồng với chị T và mục đích hôn nhân không đạt được nên Ah yêu cầu Tòa án giải quyết cho Ah được ly hôn với chị Lê Thị T.

Về con chung Ah A xác định, Ah và chị T có ba người con gồm: Dương Thị Cẩm L, sinh năm 1994; Dương Văn Chí T2, sinh ngày 02/7/1996; Dương Thị Mỹ T2, sinh ngày 10/5/2005. Hiện các con đã trưởng thành không mất khả năng lao động nên Ah không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng chị T không có văn bản phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tòa án đã triệu tập chị Lê Thị T đến tham dự phiên dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng chị T vẫn vắng mặt, không vì lý do bất khả kháng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông qua thủ tục niêm yết nơi cư trú của bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Đối với nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về quA điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Dương Văn A được ly hôn với chị Lê Thị T.

Về con chung đã trưởng thành không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung; nợ chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc Ah Dương Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chị Lê Thị T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại Ấp TL, xã TL, huyện GR, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quA hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa Ah Dương Văn A và chị Lê Thị T là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã Thạnh Lộc, huyện Giồng Riềng theo thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn Ah A cho rằng giữa Ah và chị T luôn bất đồng quA điểm sống, chị nên thường xuyên cự cãi dẫn đến sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân là nhằm để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên phải có nghĩa vụ tôn trọng, quA T2, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có sự tin tưởng và sự chung thủy với nhau. Nhưng hiện tại Ah A xác định đã không còn tình cảm vợ chồng với chị T. Hơn nữa, théo xác minh tại địa phương nơi cư trú của Ah A, chị T xác nhận Ah chị đã không còn sống chung với nhau từ lâu. Từ đó, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa Ah A, chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu của nguyên đơn Ah Dương Văn A được ly hôn với chị Lê Thị T.

[2.2]. Về con chung: Ah Dương Văn A xác định có ba người con chung gồm: Dương Thị Cẩm L, sinh năm 1994; Dương Văn Chí T2. Sinh năm 1996; Dương Thị Mỹ T2, sinh năm 2005, các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ah A xác định không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án. Ah Dương Văn A chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí A đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0002835, ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 51; 53; 56; 69; 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Dương Văn A được ly hôn với chị Lê Thị T.

2. Về con chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Anh Dương Văn A chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí A đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0002835, ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Ah Dương Văn A, chị Lê Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Kiên Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên